

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2020

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đợi
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Cao Tấn V, sinh năm 1978 – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1981- Vắng mặt

Địa chỉ: thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/11/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Cao Tấn V trình bày: Vào ngày 23 tháng 6 năm 2004 Chị S, anh V đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai hết. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Cao Bảo H, sinh ngày 20/11/2002 và cháu Cao Bảo N, sinh ngày 04/9/2012. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu Chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:*

Tại biên bản xác minh ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện M: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh V và Chị S thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn thì anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Cao Tấn V. Anh Cao Tấn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Giao cháu Cao Bảo H, sinh ngày 20/11/2002 và cháu Cao Bảo N, sinh ngày 04/9/2012 cho anh Cao Tấn V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: Anh Cao Tấn V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị S có địa chỉ tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N Nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị S, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị S vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 03/02/2020 Tòa án nhân dân huyện M đã thông báo cho chị Nguyễn Thị S biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện M triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị S vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị S đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị S phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện M tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị S là phù hợp.

Anh Cao Tấn V có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Cao Tấn V.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Cao Tấn V:

[2.1] Về hôn nhân: anh Cao Tấn V và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 23/6/2004. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, anh V thừa nhận anh không còn tình cảm với Chị S, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V và giải quyết cho anh Cao Tấn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Cao Bảo H, sinh ngày 20/11/2002 và cháu Cao Bảo N, sinh ngày 04/9/2012 cho anh Cao Tấn V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, anh Cao Tấn V không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Cao Tấn V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Cao Tấn V. Anh Cao Tấn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Bảo H, sinh ngày 20/11/2002 và cháu Cao Bảo N, sinh ngày 04/9/2012 cho anh Cao Tấn V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, anh Cao Tấn V không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Tấn V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001817 ngày 17/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Mận